TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 400/2026/DS-PT
Ngày: 21 - 8 - 2026
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Ly;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn và bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2026/TLPT – DS ngày 15 tháng 7 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2026/DS-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị H, sinh năm 1993, số căn cước: 066193002109 và ông Nguyễn Phương N, sinh năm 1988, số căn cước: 066088002197; Địa chỉ: Hẻm B P, phường T, tỉnh Đắk Lắk;

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 2001, số căn cước: 049301013332; Địa chỉ: D L, phường E, tỉnh Đắk Lắk, (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2025); có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Thành N1 - Luật sư văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: D L, phường E, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn H1, sinh năm 1981, số căn cước: 066081009775 và bà Nguyễn Hoài V, sinh năm 1992, số căn cước: 066192014109; Địa chỉ: B thôn I, xã H, tỉnh Đắk Lắk; đều có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1983; Địa chỉ: G, thôn F, xã H, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Hoài V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị H, ông Nguyễn Phương N và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - bà Lê Thị Kim C thống nhất trình bày có nội dung:

Vợ chồng nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V có mối quan hệ thân thiết với nhau. Nguyên đơn nhiều lần cho bị đơn vay tiền bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt, vay không kỳ hạn và lãi theo quy định của pháp luật. Do thân thiết nên hai bên không lập giấy vay mà chủ yếu trao đổi qua lời nói và qua tin nhắn điện thoại. Đến ngày 31/5/2024, bị đơn chuyển trả nợ cho nguyên đơn 18.000.000 đồng và nhắn tin chốt còn nợ tổng cộng 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Đến đầu tháng 6/2024 vợ chồng nguyên đơn cần tiền làm ăn kinh doanh nên đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu bị đơn trả lại cho vợ chồng nguyên đơn số tiền đã vay nhưng bị đơn đều hứa hẹn nhưng sau đó không trả bất kỳ khoản tiền nào nữa.

Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng và tiền lãi trên tiền vay gốc chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông N, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện, ngày 28/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 15/5/2026 theo mức lãi suất là 10%/năm, ngoài ra ông N, bà H không có yêu cầu gì khác;

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Thành N1 trình bày có nội dung:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V thừa nhận có nợ nguyên đơn ông Nguyễn Phương N, bà Lương Thị H số tiền 1.450.000.000 đồng là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông H1, bà V cho rằng có chuyển nhượng đất và cổ phần cây mai để bảo đảm cho khoản vay trên, tuy nhiên nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông N, bà H số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng và tiền lãi trên tiền vay gốc chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày khởi kiện, ngày 28/7/2025 đến ngày xét xử, ngày 15/5/2026 theo mức lãi suất là 10%/năm, ngoài ra ông N, bà H không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Hoài V trình bày có nội dung:

Vợ chồng bị đơn và ông Nguyễn Phương N có quen biết với nhau. Vào khoảng tháng 10/2023 bị đơn kẹt tiền nên vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, thỏa thuận lãi suất từ 2.000đ - 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tuy nhiên vì vay rồi trả nhiều lần nên không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu. Việc vay tiền cũng không có giấy tờ gì, chỉ nói miệng và nhắn qua zalo của bà V tên "Hoài Vi", số điện thoại 0906504992. Đến ngày 31/5/2024 thì bị đơn có xin chuyển tiền lãi sang lãi suất ngân hàng quy định nên bà V có chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 18.000.000 đồng, chốt lại bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.450.000.000 đồng, trong đó có 1.400.000.000 đồng tiền nợ gốc và 50.000.000 đồng nợ lãi. Tổng cộng số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn đến 31/5/2024 là khoảng 500.000.000 đồng. Số tiền này có khi đưa tiền mặt, có khi chuyển khoản cho bà H, cụ thể bị đơn không nhớ rõ. Ngày 31/5/2024 khi bị đơn xin chuyển toàn bộ tiền lãi của khoản vay 1.400.000.000 đồng sang lãi ngân hàng thì nguyên đơn yêu cầu sang tên cho nguyên đơn 01 lô đất và một số cây hoa mai cho nguyên đơn giữ giùm, làm tin để nguyên đơn cho chuyển số tiền nợ lãi của số tiền 1.450.000.000 đồng (1.400.000.000 đồng tiền nợ gốc và 50.000.000 đồng nợ lãi của tháng 4/2024) thì vợ chồng bị đơn đồng ý. Việc thỏa thuận trên chỉ là thỏa thuận miệng với nhau, không có giấy tờ gì. Sau đó mấy ngày thì vợ chồng bị đơn có ra văn phòng công chứng Đỗ Xuân B ký hợp đồng chuyển nhượng lô đất và viết giấy tay chuyển nhượng cổ phần 05 cây mai (trị giá 370.000.000 đồng) ở xã H cho vợ chồng nguyên đơn. Việc chuyển nhượng đất và chuyển cổ phần 05 cây mai là chỉ đảm bảo cho khoản vay 1.400.000.000 đồng tiền nợ gốc và 50.000.000 đồng nợ lãi, để nguyên đơn cho trả nợ theo lãi suất ngân hàng, không có việc chuyển tiền đất, không giao đất thực tế, chỉ có giao quyền quản lý vườn mai thực tế cho nguyên đơn. Hiện nay vợ chồng bị đơn vẫn đang quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất, nguyên đơn đang quản lý 05 cây mai. Tuy nhiên sau khi vợ chồng bị đơn ký giấy tờ chuyển nhượng thì nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn trả toàn bộ khoản nợ 1.450.000.000 đồng. Lúc này vợ chồng bị đơn không có khả năng trả nợ nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Sau đó nguyên đơn làm đơn tố cáo bị đơn đến công an, tuy nhiên không có dấu hiệu tội phạm nên cơ quan công an không xử lý.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng và lãi suất tạm tính là 145.000.0000 đồng thì bị đơn thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 1.400.000.000 đồng nợ gốc và 50.000.000đ nợ lãi, tuy nhiên vì kinh tế khó khăn, không có khả năng trả nên 02 năm nữa bị đơn sẽ trả số tiền 1.400.000.000 đồng tiền nợ gốc và 50.000.000 đồng nợ lãi cho nguyên đơn; nguyên đơn phải làm thủ tục chuyển trả lại quyền sử dụng đất tại xã H và trả lại 05 cây mai cho vợ chồng bị đơn và không chấp nhận trả lãi tiếp theo. Đối với số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì khác, không yêu cầu xem xét lại.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Thanh S trình bày có nội dung:

Ông S làm nghề bán cây cảnh tại thôn A, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Ông S và ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V là hàng xóm với nhau. Ông Nguyễn Phương N cũng là người có buôn bán cây cảnh nên ông có quen biết. Khoảng năm 2024 ông H1, bà V có góp cổ phần 4 cây hoa mai với tôi, trị giá khoảng hơn 300.000.000 đồng. Sau đó ông H1, bà V có thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần cây mai cho ông Nguyễn Phương N, khi nào bán được thì sẽ chia cổ phần theo tỷ lệ phần trăm cho ông N. Giấy thỏa thuận viết tay ông N giữ nên ông không nhớ cụ thể nội dung, hiện các cây mai vẫn chưa bán được nên đang do ông S chăm sóc. Đối với nội dung vay nợ, vì sao chuyển nhượng cổ phần cây mai giữa các bên thì ông S không biết và cũng không có liên quan gì đến; đồng thời ông S từ chối tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 87/2026/DS-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phương N và bà Lương Thị H;

Buộc bị đơn ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Hoài V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Phương N và bà Lương Thị H số tiền 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và 117.141.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) nợ lãi; tổng cộng là: 1.567.141.000 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/6/2026, bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung vì cho rằng tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh S vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và

những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn quy định là kháng cáo hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thống nhất từ khoảng tháng 10/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Phương N, bà Lương Thị H cho bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V vay tiền nhiều lần. Các bên cũng thống nhất đến ngày 31/5/2024, ông H1, bà V còn nợ ông N, bà H tổng số tiền 1.450.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bị đơn kháng cáo cho rằng số tiền 1.450.000.000 đồng là bao gồm 1.400.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi, chứ không phải nợ gốc 1.450.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày; đồng thời cho rằng trước đó đã trả lãi 18.000.000 đồng và có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cổ phần 05 cây mai nhằm mục đích để đảm bảo cho khoản vay và để nguyên đơn ông N, bà H cho bị đơn ông H1, bà V được chuyển lãi suất của khoản tiền trên sang lãi theo quy định của Ngân hàng.

Xét thấy: Bị đơn trình bày số tiền 50.000.000 đồng là tiền lãi được nhập vào tổng số nợ 1.450.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bị đơn có tin nhắn xác nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 1.450.000.000 đồng là căn cứ xác định nghĩa vụ mà bị đơn phải thực hiện. Nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Phương N, bà Lương Thị H số tiền nợ gốc 1.450.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với việc bị đơn kháng cáo cho rằng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cổ phần 05 cây mai để bảo đảm cho khoản vay:

Xét thấy, Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn trình bày có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C1 và viết giấy tay chuyển nhượng cổ phần 04 cây mai cho ông N, bà H và cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản sao Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/7/2024 giữa bị đơn với nguyên đơn chuyển nhượng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất xã

H, TP B, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 2031m^2 loại đất trồng lúa nước, giá chuyển nhượng 130.000.000 đồng và bản sao Giấy mua chung 04 cây mai lập ngày 16/7/2024 giữa ông Huỳnh Thanh S, ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Hoài V. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận các giao dịch này nhằm bảo đảm cho khoản vay đang tranh chấp mà xác định đây là các giao dịch dân sự độc lập. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không chứng minh được giữa các bên có thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển cổ phần 04 cây mai chỉ nhằm mục đích bảo đảm cho khoản vay 1.450.000.000 đồng; và cũng không có yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hiệu lực của các giao dịch chuyển nhượng này trong vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết quan hệ pháp luật liên quan đến giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển nhượng cổ phần 04 cây mai trong vụ án này là có căn cứ. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu, quản lý đối với 04 cây mai thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tiền lãi:

Do các bên không thống nhất được về mức lãi suất và nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện với lãi suất 10%/năm, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm để tính lãi trên khoản nợ gốc từ ngày khởi kiện 28/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2026 số tiền lãi 117.141.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn H1, bà Nguyễn Hoài V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 87/2026/DS-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116; Điều 119; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phương N và bà Lương Thị H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Hoài V trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Phương N và bà Lương Thị H số tiền 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và 117.141.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) nợ lãi; tổng cộng là: 1.567.141.000 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Hoài V phải chịu 59.014.000 đồng (Năm mươi chín triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lương Thị H và ông Nguyễn Phương N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 29.925.000 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà bà Lê Thị Kim C nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000312 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Hoài V mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0006933 ngày 16/6/2026 và Biên lai số 0006934 ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc, kiểm tra II-TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 - Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 1 - Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Ly